

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 14/2021/HNGĐ-ST

Ngày 21-6-2021

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Ngọc Thực

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Đào

2. Ông Trần Đình Huân

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Không

Ngày 21 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình mở phiên Tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2021, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 01/6/2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T; nơi cư trú: thôn T, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn L; nơi cư trú: thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/02/2021, bản tự khai, biên bản phiên họp và hòa giải cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị và anh Phạm Văn L có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự

nguyên, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình vào ngày 02/12/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung đầm ấm hạnh phúc tại nhà bố mẹ chồng tại xã Q. Đến giữa năm 2020 thì giữa vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng về quan điểm sống, không tôn trọng và tin tưởng lẫn nhau nên giữa vợ chồng thường xảy ra xung đột, cãi vã nhau. Do không sống chung được nên chị T đã cùng con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 11/2020 và vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Mặc dù giữa hai bên đã tìm cách hàn gắn, khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Hiện tại chị thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, sống ly thân đã lâu, tình cảm không còn, không thể trở lại sống chung cùng nhau được vì vậy kiên quyết xin ly hôn với anh L để sớm ổn định cuộc sống bản thân.

Về quan hệ con chung: Theo chị T thì giữa vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Thị Thanh T, sinh ngày 05/4/2017. Sau khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và yêu cầu anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị mỗi tháng số tiền là 2.000.000 đồng, cho đến khi con thành niên.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày, giữa vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng như không cho ai vay nợ của vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xét xử, giải quyết vắng mặt, anh Phạm Văn L trình bày: Về quan hệ hôn nhân thì giữa anh và chị Nguyễn Thị T có quá trình tìm hiểu và đi đến hôn nhân trên cơ sở hai bên hoàn toàn tự nguyện, đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình vào ngày 02/12/2016. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung đầm ấm hạnh phúc tại nhà bố mẹ anh tại xã Q. Đến giữa năm 2020 thì giữa vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng về quan điểm sống, không tôn trọng và tin tưởng lẫn nhau nên vợ chồng thường xảy ra xung đột, cãi vã nhau. Nay chị T làm đơn xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Phạm Thị Thanh T, sinh ngày 05/4/2017. Sau khi ly hôn, anh L có nguyện vọng giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và anh có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con hằng tháng, cho đến khi con trưởng thành.

Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Anh L trình bày, giữa vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ ai và cũng như không cho ai vay nợ của vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với anh Phạm Văn L và quyền yêu cầu được nuôi con chung sau khi ly hôn. Vì vậy, xác định đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh Phạm Văn L có đơn xin xét xử, giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Phạm Văn L.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình vào ngày 02/12/2016, vì vậy quan hệ hôn nhân là hoàn toàn hợp pháp. Cuộc sống chung hạnh phúc của vợ chồng không được bao lâu đã xảy ra mâu thuẫn, giữa hai người tính tình ngày càng không hợp, bất đồng quan điểm, không tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau nên thường xảy ra xung đột, cãi vã nhau; hai bên không tìm được hướng đi chung, không còn quan tâm, lo lắng gì đến nhau, không còn giải pháp hàn gắn. Chị T và anh L xác định thật sự không còn tình cảm gì với nhau, không thể quay lại để tiếp tục sống chung cùng nhau được nữa mà kiên quyết, đồng ý ly hôn.

Xét nguyện vọng mong muốn xin được ly hôn của chị Nguyễn Thị T cũng như xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, xét xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Phạm Văn L.

[3] Về quan hệ con chung: Giữa chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn L có một con chung Phạm Thị Thanh T, sinh ngày 05/4/2017. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chị T có nguyện vọng mong muốn được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và anh L cũng thống nhất giao con chung cho chị T nuôi dưỡng. Xét điều kiện, nguyện vọng mong muốn được nuôi con của chị T và yêu cầu, đề nghị của chị T, anh L về việc nuôi con, cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng như vậy là phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế và quy định của pháp luật. Căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình: Giao con chung cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh L có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung mỗi

tháng 2.000.000 đồng. Thời gian đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung kể từ tháng 7/2021 trở đi, cho đến khi con thành niên.

[4] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị T và anh Phạm Văn L thống nhất thừa nhận, vợ chồng không có tài sản chung, không vay nợ của ai cũng như không cho ai vay nợ nên không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn, anh Phạm Văn L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ để sung vào ngân sách nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Phạm Văn L.

2. Về quan hệ con chung:

2.1. Giao con chung Phạm Thị Thanh T, sinh ngày 05/4/2017 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

2.2. Anh Phạm Văn L có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng với chị T mỗi tháng số tiền là 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Thời gian đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung kể từ tháng 7/2021 trở đi, cho đến khi con thành niên.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm:

4.1: Buộc chị Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn để sung vào ngân sách nhà nước. Số tiền án phí chị T phải chịu được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình theo biên lai thu số 0007476, ngày 26/02/2021.

4.2: Buộc anh Phạm Văn L phải chịu 300.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ để sung vào ngân sách nhà nước.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Báo cho nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Báo cho bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- Chi cục THADS huyện Quảng Trạch;
- UBND xã Q;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Võ Ngọc Thực